

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Dân

Bà Trần Thị Mỹ Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nhiều -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1981; Cư trú tại: Nhà không số, đường L, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phương Đ, sinh năm 1980; Cư trú tại: Nhà không số, đường L, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Chị Trần Thị Ngọc T trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phương Đ kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã dẫn đến tổn thương lẫn nhau. Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 01 năm 2021, mâu thuẫn trầm trọng, anh Đ có những lời nói gây tổn thương nặng nề về tâm lý đối với chị. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hòa hợp, chung sống không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh Đ nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phương Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 16/08/2007 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 28/11/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cả 02 người con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi người con 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung, không ai nợ lại anh, chị.

\* Anh Nguyễn Phương Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị Trần Thị Ngọc T trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 01/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hiểu lầm dẫn đến cãi vã với nhau. Trong lúc cãi vã anh có những lời nói xúc phạm chị T, anh nhận lỗi và mong chị T tha thứ. Anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị T, xét thấy hôn nhân vẫn còn hàn gắn được nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 16/08/2007 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 28/11/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn, anh đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi cả 02 người con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V và cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có nợ chung, không ai nợ lại anh, chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phương Đ, thấy rằng anh, chị chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11 năm 2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh Đ có những lời nói xúc phạm, gây tổn thương nặng nề về tâm lý đối với chị, chung sống không còn hạnh phúc. Anh Đ cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, anh có những lời nói xúc phạm, gây tổn thương cho chị T, anh nhận lỗi và xin chị T bỏ qua lỗi lầm của anh. Anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị T nên chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Tại phiên tòa, chị T kiên quyết ly hôn, anh Đ yêu cầu được đoàn tụ. Xét thấy, chị T và anh Đ xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm, tổn thương nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Mặt khác, anh Đ tuy có yêu cầu đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào có hiệu quả để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân của anh, chị. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị T và anh Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 16/08/2007 và Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 28/11/2012, hiện đang sống chung với anh, chị. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cả 02 người con chung,

yêu cầu anh Đ cấp dưỡng mỗi người con 3.000.000đ/tháng. Anh Đ đồng ý giao 02 người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu V và cháu Q đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tài sản chung: Chị T và anh Đ xác định để tự thỏa thuận. Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị T và anh Đ xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Án phí cấp dưỡng: Các đương sự đã thỏa thuận được mức cấp dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng tại Biên bản hòa giải ngày 16/3/2021, trước khi mở phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải nộp 50% mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phương Đ.

Con chung: Giao Nguyễn Hoàng Vỹ, sinh ngày 16/08/2007 và Nguyễn Hoàng Quân, sinh ngày 28/11/2012, hiện đang sống chung với anh Đ và chị T cho chị Trần Thị Ngọc T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con 3.000.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vỹ và cháu Quân đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Luật Thi hành án dân sự.

Tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Ngày 23/02/2021, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0000644, được đối trừ, chuyển thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Phương Đ phải nộp 150.000 đồng (chưa nộp).

Chị Trần Thị Ngọc T, anh Nguyễn Phương Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 8, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Võ Sĩ Hùng - Trần Thị Mỹ Hương**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**



***Nơi nhận:***

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- UBND xã Tân Hưng, H. Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**